

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày: 14-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Cư

+ Ông Nguyễn Ngọc Thời

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tụ – Kiểm sát viên.

1. Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/12/2002, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Làm biển;

Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Đ, sinh năm 1968 và bà Trần Thị H, sinh năm 1971;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/4/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Hồng P, sinh ngày 05/5/2005, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Làm biển;

Trình độ văn hoá (học vấn): 5/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Võ N (đã chết) và bà Phạm Thị C, sinh năm 1969;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 21/11/2023 bị Công an thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/4/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Trường V, sinh ngày 16/02/2001, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Làm thuê (làm nghề tự do);

Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn P1, sinh năm 1972 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1972;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường V: Ông Huỳnh Ngọc Á, là Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số H H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Võ Anh N1, sinh năm 2005; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 2005; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 31/01/2024, Nguyễn Đức T nhớ đến việc mâu thuẫn với Huỳnh Tấn C1 nên muốn đi tìm C1 để đánh. Thông điện thoại rủ Võ Hồng P đến nhà chờ T đi tìm C1 và nói P đến bãi đất trống gần trại cá L ở tổ dân phố L, phường P lấy 02 con dao mà T cất giấu; đồng thời, T cũng điện thoại cho

Phạm Trường V nói “*mày đến nhà chở tao đi công việc xiu*”. V không hỏi gì mà đồng ý và trả lời “*ừ*”. Vì thời điểm này V và P đang ngồi nhậu chung tại nhà Hồ Văn T3 ở tổ dân phố L, phường P nên khi P đi ra lấy xe để đến nhà T thì gặp V, biết V cũng đi đến nhà T nên P đưa chìa khóa xe mô tô BKS 76H1-428.99 cho V điều khiển chở P đi. Khi đến địa điểm cất giấu 02 con dao thì P bảo V dừng xe lại để P đi vệ sinh nhưng P không đi vệ sinh mà vào chỗ T cất giấu dao để lấy 02 con dao giấu vào trong áo khoác, sau đó đi ra lên xe V chở đến nhà T, rồi chở T cùng đi theo sự chỉ đường của T (P ngồi ở giữa, T ngồi sau cùng). Trên đường đi P đưa cho T 01 con dao và P cầm 01 con dao, cả hai đều cất giấu dao trong áo khoác.

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 01/02/2024 nhóm của T đi đến Trạm kiểm soát biên phòng S, chạy theo đường bê tông ra hướng B thì thấy một nhóm thanh niên đang ngồi chơi tại khu vực bàn ghế đá (gồm: Mai T, Thái L, Lê Quang T4, Nguyễn Anh T2), còn Võ Anh N1 ngồi trên xe mô tô cạnh ghế đá. Thông nhìn thấy có Mai Trần Duy V1 (là bạn của Huỳnh Tấn C1, người mâu thuẫn với T) nên nghĩ đây là nhóm của C1, T nghe một người trong nhóm này nói “*bây nhìn gì, chém thấy mẹ bây bây giờ*”. Khi V điều khiển xe chạy đến đoạn đường bê tông gần Cầu C thì T nói V quay xe lại đến chỗ nhóm của V1 ngồi. V quay xe lại nhưng chạy quá chỗ nhóm của V1 ngồi khoảng 21m nên T bảo V quay lại. V điều khiển xe quay lại đến cách xe mô tô Võ Anh N1 đang ngồi khoảng 5,70m thì dừng lại (vị trí xe mô tô Võ Anh N1 đang ngồi cách ghế đá 1,25m về phía Nam). P và T nhảy xuống xe, lấy dao cất giấu trong người ra cầm trên tay. P cầm dao chạy thẳng đến bàn ghế đá thì V1, T5, T2 và T4 bỏ chạy ra hướng Bắc, còn N1 đang ngồi trên xe cầm điện thoại chơi game không kịp bỏ chạy nên T chạy đến từ phía sau lưng cầm dao ở tay phải chém 01 nhát về phía N, trúng vào vùng vai phải của N1 (từ vai xuống lưng). Tiếp đó, P chạy ngược lại đứng đối diện với N1 (cách Nhật khoảng 70cm) cầm dao ở tay phải chém một nhát về phía N1 (chém từ trên xuống dưới, từ phải qua trái) thì N1 đưa tay trái lên đỡ, lưỡi dao trúng vào cổ mu bàn tay trái và vùng ngực phải. N1 bỏ chạy ra hướng Bắc. Thấy nhóm thanh niên trên bỏ chạy nên V nói với T và P “*mau lên xe tao chở về lẹ*” vì sợ nhóm thanh niên quay lại đánh trả thù.

Trên đường về, đến bãi đất trống đối diện trại cá Lệ D thì T và P vứt dao vào bụi cây (không thu giữ được), rồi V chở T về nhà, sau đó V và P đến nhà Phan Thiện Văn N2.

Tại Kết luận giám định số: 78/KLTTCT-TTPY ngày 08/3/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Q, kết luận thương tích của Võ Anh N1 như sau:

- Tồn thương màng phổi đã phẫu thuật: 04%;
- Sẹo mô qua vết thương bàn tay trái: 03%;
- Sẹo mô qua vết thương vùng lưng phải: 03%;
- Sẹo vùng ngực phải kích thước (7,5 x 0,2)cm: 02%;

Tổng tỷ lệ thương tích là: 11,48%, làm tròn = 11%. Cơ chế hình thành các tổn thương trên do vật sắc tác động trực tiếp.

Tổn thương màng phổi nếu không cấp cứu kịp thời có thể ảnh hưởng đến tính mạng.

* Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS-ĐP ngày 17/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 12 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Hồng P từ 12 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Trường V từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về dân sự: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V đã bồi thường cho bị hại Võ Anh N1 số tiền 114.000.000đồng; bị hại đã có đơn bãi nại, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không xem xét.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường V: Thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã đề nghị với bị cáo Phạm Trường V. Tuy nhiên, bị cáo Văn chỉ đồng phạm với vai trò là người giúp sức, vai trò của bị cáo V trong vụ án không đáng kể. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo V; xử phạt bị cáo V 09 tháng tù, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 27/9/2024 Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu điều tra làm rõ và khởi tố, truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V về tội “*Giết người*” quy định tại Điều 123 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã không chấp nhận điều tra bổ sung, giữ nguyên Cáo trạng số 32/CT-VKS-ĐP ngày 17/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó, căn cứ giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[3] Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 31/01/2024, Nguyễn Đức T nhớ đến việc mâu thuẫn với Huỳnh Tấn C1 nên điện thoại rủ Võ Hồng P đến nhà chờ T đi tìm C1 đánh; đồng thời, T cũng điện thoại cho Phạm Trường V nói chờ T đi công việc. Khi đi, V là người điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76H1-428.99 chở P ngồi giữa, T ngồi sau cùng, T và P mỗi người cầm 01 con dao tự chế. Đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 01/02/2024, khi đi nhóm của T đi qua Trạm kiểm soát biên phòng S thì thấy một nhóm thanh niên đang ngồi chơi tại khu vực bàn ghế đá và Võ Anh N1 đang ngồi trên xe mô tô cạnh ghế đá. Thống nghĩ đây là nhóm của C1 và nghe một người trong nhóm này nói “*bây nhìn gì, chém thấy mẹ bây bây giờ*” nên T nói V quay xe lại, P và T nhảy xuống xe, P cầm dao chạy thẳng đến bàn ghế đá thì nhóm thanh niên đang ngồi chơi tại đây bỏ chạy ra hướng Bắc, còn N1 đang ngồi trên xe cầm điện thoại chơi game không kịp bỏ chạy nên T chạy đến từ phía sau lưng của anh N1, cầm dao ở tay phải chém 01 nhát về phía N, trúng vào vùng vai phải của N1 (từ vai xuống lưng). Tiếp đó, P chạy ngược lại đứng đối diện với N1 (cách N1 khoảng 70cm) cầm dao ở tay phải chém một nhát về phía N1 (chém từ trên xuống dưới, từ phải qua trái) thì N1 đưa tay trái lên đỡ, lưỡi dao trúng vào cổ mu bàn tay trái và vùng

ngực phải của N1. Sau khi bị chém, N1 bỏ chạy ra hướng Bắc; còn P và T lên xe để V chở về.

[5] Theo Kết luận giám định số: 78/KLTTCT-TTPY ngày 08/3/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Q thì tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Anh N1 tại thời điểm giám định là 11%; cơ chế hình thành các tổn thương trên do vật sắc tác động trực tiếp; tổn thương màng phổi nếu không cấp cứu kịp thời có thể ảnh hưởng đến tính mạng.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và có khả năng tước đoạt tính mạng của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Võ Anh N1 thì các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, các bị cáo đều nhận thức được hành vi dùng hung khí đánh, chém người khác là vi phạm pháp luật, có khả năng gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc có khả năng tước đoạt tính mạng của người khác nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Mặc dù anh N1 chỉ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 11% nhưng các bị cáo đã sử dụng dao tự chế (là hung khí nguy hiểm) tấn công vào vùng vai, lưng và ngực (là những vùng trọng yếu của cơ thể) của anh N1, đến khi anh N1 bỏ chạy thì các bị cáo mới lên xe bỏ về. Theo kết luận giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Q thì tổn thương màng phổi của anh N1 nếu không cấp cứu kịp thời có thể ảnh hưởng đến tính mạng. Do đó, đối chiếu với án lệ số 47 và Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V có dấu hiệu của tội “*Giết người*” quy định tại theo Điều 123 của Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu khởi tố, truy tố các bị cáo về tội “*Giết người*” quy định tại Điều 123 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã không chấp nhận điều tra bổ sung, giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, căn cứ giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chỉ xét xử các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[7.1] Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: Chỉ vì có mâu thuẫn với anh Huỳnh Tấn C1 mà bị cáo đã rủ Võ Hồng P và Phạm Trường V đi tìm C1 để đánh. Mặc dù giữa các bị cáo và nhóm của anh Võ A Nhật không có mâu thuẫn gì nhưng khi phát hiện thấy nhóm của anh N1 đang ngồi chơi tại khu vực bàn ghế đá, nghĩ đây là nhóm của C1 và nghe có người nói “*bây nhìn gì, chém thấy mẹ bây bây giờ*” thì bị cáo đã bảo V dừng xe lại, sau đó cùng với Võ Hồng P, mỗi người cầm 01

con dao tự chế xông đến chém, gây thương tích cho anh N1 mặc dù bị cáo không có mâu thuẫn gì với anh N1. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, bị cáo là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác phạm tội. Ngoài ra, bị cáo cũng là người trực tiếp sử dụng hung khí chém 01 nhát trúng vào vùng vai phải của anh N1 (từ vai xuống lưng). Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[7.2] Đối với bị cáo Võ Hồng P: Khi được bị cáo T rủ đi đánh anh Huỳnh Tấn C1 thì đã đồng ý ngay. Bị cáo là người đi lấy hung khí và cùng với bị cáo T sử dụng hung khí chém, gây thương tích cho anh N1 mặc dù bị cáo không có mâu thuẫn gì với anh N1. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, bị cáo là người chém trúng vào cổ mu bàn tay trái và vùng ngực phải của anh N1, gây tổn thương màng phổi nếu không cấp cứu kịp thời có thể ảnh hưởng đến tính mạng của anh N1. Ngoài ra, ngày 21/11/2023 bị cáo đã bị Công an thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, tính đến thời điểm bị cáo gây thương tích cho anh N1 thì chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải, không có ý thức chấp hành pháp luật nên đã phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[7.3] Đối với bị cáo Phạm Trường V: Mặc dù khi được Nguyễn Đức T nhờ chở đi công việc thì bị cáo không biết là đi gây thương tích cho người khác. Tuy nhiên, khi gặp nhóm của anh Võ Anh N1, biết T bảo dừng xe lại để đánh nhóm của anh N1 thì bị cáo đã dừng xe lại cho T và P nhảy xuống xe, cầm hung khí gây thương tích cho anh N1, sau đó chở T và P tẩu thoát. Mặc dù bị cáo Phạm Trường V không trực tiếp gây thương tích cho anh N1 nhưng hành vi nêu trên của bị cáo đã giúp sức cho T và P thực hiện hành vi gây thương tích cho anh N1 nên bị cáo đã đồng phạm với các bị cáo T và P với vai trò là người giúp sức. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V thành khẩn khai báo; đã bồi thường cho bị hại Võ Anh N1 114.000.000đồng; bị hại đã có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo. Do đó, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[10] Xét thấy, bị cáo Phạm Trường V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, bị cáo V phạm tội với vai trò là người giúp sức;

tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không lớn. Mặc dù không trực tiếp gây ra thương tích cho anh N1 nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000đồng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo tiếp tục bồi thường, hỗ trợ thêm cho bị hại số tiền 10.000.000đồng, điều này thể hiện sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, cũng như để tạo điều kiện cho bị cáo được tự rèn luyện, tự cải tạo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; đồng thời, áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Trường V.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76H1-428.99 và giấy đăng ký xe mô tô trên. Quá trình điều tra xác định được xe mô tô trên thuộc sở hữu của bà Phạm Thị C, bà C không biết P sử dụng xe mô tô trên để đi đánh anh N1. Mặt khác, xe mô tô trên cũng không phải là công cụ, phương tiện phạm tội trong vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã trả lại cho bà C là phù hợp.

- Đối với 02 (hai) con dao tự chế đã được T và P sử dụng để gây thương tích cho anh N1: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

[12] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V đã bồi thường cho bị hại Võ Anh N1 số tiền 90.000.000đồng; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo tiếp tục bồi thường, hỗ trợ thêm cho anh N1 24.000.000đồng. Tại phiên tòa, người anh Võ Anh N1 không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[15] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường V tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V 09 tháng tù, cho hưởng án treo là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; các ý kiến khác của người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường V tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức T và Võ Hồng P dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Các ý

kiến khác của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Võ Hồng P phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Võ Hồng P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Trường V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Trường V 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/11/2024).

Giao bị cáo Phạm Trường V cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92, Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Võ Hồng P và Phạm Trường V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- CQCSĐT Công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Đức Phổ;
- Phòng NVLT Công an thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường Phổ Thạnh;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong